

Số: /BC-CDSP

Phú Thọ, ngày tháng 3 năm 2026

## BÁO CÁO

Kết quả thực hiện Quy chế công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT  
ngày 03/06/2024 của Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình  
(Tính đến 31/12/2025)

### I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên cơ sở giáo dục: Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình
- Địa chỉ trụ sở chính: Đường Võ Thị Sáu, Phường Dân chủ, Thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
- Loại hình của cơ sở giáo dục: Trường Cao đẳng công lập
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

#### 4. 1. Sứ mạng (Mission)

Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực ngành Giáo dục mầm non trình độ Cao đẳng và các ngành thuộc khối giáo dục nghề nghiệp trình độ Cao đẳng, Trung cấp; bồi dưỡng và phối hợp bồi dưỡng đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục các cấp học; đào tạo, bồi dưỡng, cấp chứng chỉ cho giáo viên dạy tiếng dân tộc Mường các cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên và các đối tượng có nhu cầu; là trung tâm nghiên cứu, ứng dụng khoa học cơ bản, khoa học giáo dục và cung ứng các dịch vụ giáo dục chất lượng, uy tín phục vụ cộng đồng.

#### 4. 2. Tầm nhìn (Vision)

Là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực ngành giáo dục mầm non và giáo dục nghề nghiệp có uy tín, chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia. Phấn đấu đến năm 2030, trở thành phân hiệu của một cơ sở giáo dục đại học nhằm nâng cao năng lực đào tạo nguồn nhân lực, sử dụng hợp lý cơ sở vật chất kỹ thuật hiện có, phục vụ hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Hòa Bình và khu vực.

#### 4. 3. Mục tiêu giáo dục (Educational Goals)

Đào tạo nguồn nhân lực ngành giáo dục mầm non và giáo dục nghề nghiệp phù hợp nhu cầu xã hội; có năng lực tự học, tự nghiên cứu, sáng tạo trong giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn; thích ứng để học tập suốt đời, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm, đổi mới và hội nhập quốc tế.

#### 4. 4. Giá trị cốt lõi (Core value)

"Trách nhiệm; Đoàn kết; Sáng tạo; Thích nghi và Đổi mới".

#### 5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

- Năm 1995, Trường được nâng cấp thành trường CĐSP Hòa Bình theo Quyết định số 602/TTg ngày 25/9/1995 của Thủ tướng Chính phủ nâng cấp các trường trung học sư phạm tỉnh Quảng Bình, tỉnh Hoà Bình, tỉnh Phú Yên thành các Trường cao đẳng sư phạm; thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên mầm non, tiểu học, THCS có trình độ từ trung cấp đến cao đẳng sư phạm.

Năm 2006, Nhà trường mở rộng các ngành đào tạo theo hướng đào tạo đa ngành: 14 mã ngành đào tạo trình độ cao đẳng ngành sư phạm (*Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học, Sư phạm Toán học, Sư phạm Hoá học, Sư phạm Sinh học, Sư phạm Vật lý, Giáo dục Công dân, Sư phạm Lịch sử, Sư phạm Ngữ văn, Sư phạm Địa lý, Sư phạm Tiếng Anh, Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mỹ thuật*); 02 mã ngành đào tạo trình độ trung cấp sư phạm (*Sư phạm Mầm non, Sư phạm Tiểu học*); 09 mã ngành đào tạo trình độ cao đẳng ngoài sư phạm (*Kế toán, Tài chính-Ngân hàng, Quản trị kinh doanh, Việt Nam học, Tiếng Anh, Tin học ứng dụng, Khoa học thư viện, Công tác xã hội, Công nghệ thiết bị trường học, Quản trị văn phòng & Lưu trữ học*); 02 mã ngành đào tạo trình độ trung cấp ngoài sư phạm (*Hành chính văn thư, Thư viện-Thiết bị dạy học*).

Thành lập các cơ sở giáo dục thực hành: Năm 2013, thành lập Cơ sở Giáo dục thực hành Mầm non Hoa Sen; Năm 2017, thành lập Trường Phổ thông thực hành Chất lượng Nguyễn Tất Thành; thành lập Trung tâm nghiên cứu Tâm lý - Giáo dục và GD đặc biệt.

Từ năm 2020 đến nay: do yêu cầu về trình độ chuẩn của giáo viên các cấp học theo quy định của Luật Giáo dục, nhà trường chỉ còn đào tạo 01 ngành đào tạo giáo viên mầm non trình độ cao đẳng. Ngoài ra, nhà trường mở thêm 03 ngành đào tạo hệ Trung cấp khối Giáo dục nghề nghiệp: Tin học ứng dụng, Hướng dẫn du lịch, Tiếng Anh Du lịch.

Hiện nay, Nhà trường tiếp tục đào tạo ngành Giáo dục Mầm non hệ cao đẳng, đào tạo nguồn nhân lực giáo dục nghề nghiệp đối với các mã ngành đã có; duy trì hoạt động và phát triển các cơ sở Giáo dục thực hành và thực hiện chức năng, nhiệm vụ hiện có của Nhà trường.

#### 6. Thông tin người đại diện pháp luật

Họ và tên: Nguyễn Thị Lệ Hương, Bí thư Đảng ủy, Hiệu trưởng

Địa chỉ làm việc: Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình

Số điện thoại: 0942.726.409

Email: [nguyenthilehuong@hoabinh.edu.vn](mailto:nguyenthilehuong@hoabinh.edu.vn)

## 7. Tổ chức bộ máy

a) Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục

Trường CĐSP Hòa Bình là trường cao đẳng công lập, tiền thân là Trường Trung học Sư phạm Hòa Bình, được thành lập tháng 10 năm 1956. Năm 1995, Trường được nâng cấp thành trường CĐSP Hòa Bình theo Quyết định số 602/QĐ-TTg ngày 25 tháng 9 năm 1995 của Thủ tướng Chính phủ

b) Quyết định công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường và danh sách thành viên hội đồng trường;

- Quyết định số 2166/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc thành lập Hội đồng trường Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình nhiệm kỳ 2022-2027

- Quyết định số 2156/QĐ-UBND ngày 03/10/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng trường Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình nhiệm kỳ 2022-2027

- Danh sách thành viên Hội đồng trường Trường CĐSP Hòa Bình nhiệm kỳ 2022-2027 gồm các ông bà có tên sau:

| STT | Họ và tên              | Chức vụ                                                    |
|-----|------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1   | Ông Nguyễn Vinh Quang  | Chủ tịch HĐT, Trưởng phòng                                 |
| 2   | Bà Nguyễn Thị Lệ Hường | Ủy viên, Hiệu trưởng                                       |
| 3   | Ông Đào Anh Tuấn       | Ủy viên, Phó Hiệu trưởng                                   |
| 4   | Ông Đặng Trọng Nghĩa   | Ủy viên, Phó Hiệu trưởng                                   |
| 5   | Bà Bùi Thị Hằng Thơ    | Ủy viên, Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính                 |
| 6   | Bà Bùi Thị Hương       | Ủy viên, Trưởng phòng Đào tạo - Khảo thí- Khoa học và CTSV |

|    |                         |                                                             |
|----|-------------------------|-------------------------------------------------------------|
| 7  | Bà Lê Hải Diệu          | Ủy viên, Trưởng khoa Mầm non                                |
| 8  | Bà Phạm Nam Phương      | Ủ viên, Giảng viên trường Chính trị tỉnh                    |
| 9  | Bà Quách Thị Thúy Thiện | Ủy viên, Giảng viên trường CDSP Hòa Bình                    |
| 10 | Bà Đinh Thị Thảo        | Thư ký Hội đồng, Giảng viên trường CDSP Hòa Bình            |
| 11 | Bà Hoàng Ngọc Mai       | Ủy viên, Trưởng Cơ sở Giáo dục mầm non thực hành Hoa Sen    |
| 12 | Ông Bùi Văn Thiện       | Ủy viên, Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM                |
| 13 | Bà Hà Thị Kim Oanh      | Ủy viên, Hiệu trưởng Trường Mầm non Quỳnh Lâm               |
| 14 | Ông Đỗ Ngọc Văn         | Ủy viên, Viện trưởng Viện Nghiên cứu các vấn đề xã hội      |
| 15 | Ông Bùi Thế Trung       | Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần điện tử Viễn thông Thành Biên |

c) Quyết định điều động, bổ nhiệm, công nhận hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

- Quyết định số 1676/QĐ-UBND ngày 08/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ về việc bổ nhiệm lại bà Nguyễn Thị Lệ Hương giữ chức Hiệu trưởng Trường CDSP Hòa Bình.

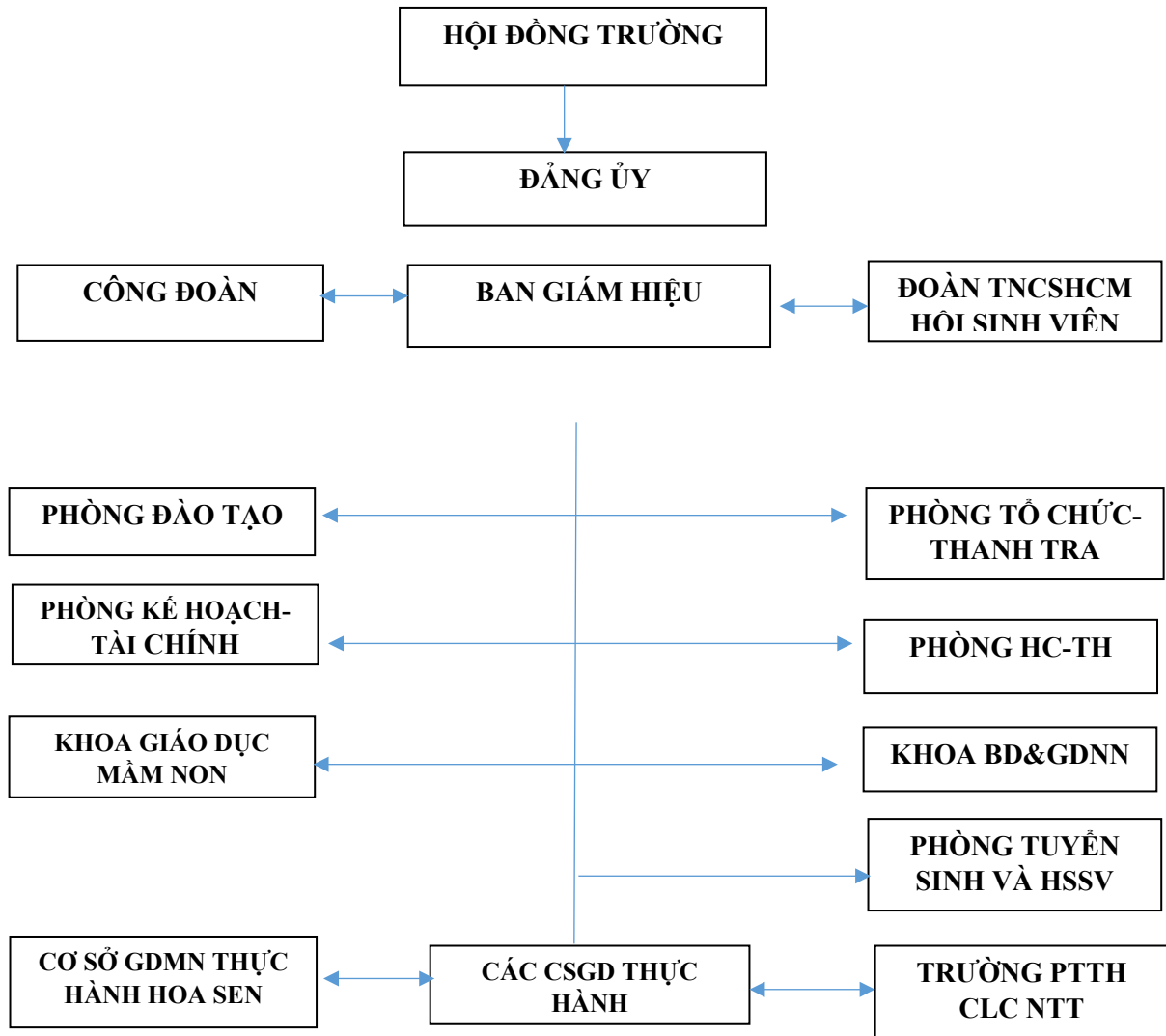
- Quyết định số 2088/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc bổ nhiệm ông Đặng Trọng Nghĩa giữ chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường CDSP Hòa Bình.

- Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 22/10/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hòa Bình về việc bổ nhiệm lại chức vụ Phó Hiệu trưởng Trường CDSP Hòa Bình.

d) Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

Quyết định số 267/QĐ-CĐSP ngày 30/9/2025 của Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường CĐSP Hòa Bình;

- Sơ đồ tổ chức bộ máy của Nhà trường



## II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

### 1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

| TT | Chỉ số đánh giá | 2025 | 2024 |
|----|-----------------|------|------|
|----|-----------------|------|------|

|   |                                                |      |      |
|---|------------------------------------------------|------|------|
| 1 | Tỷ lệ người học quy đổi trên giảng viên        | 10,1 | 5,38 |
| 2 | Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động | 100% | 100% |
| 3 | Tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ           | 0    | 0    |

## 2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

| TT       | Đội ngũ giảng viên                              | Số lượng | Trình độ |         |         | Chức danh |    |
|----------|-------------------------------------------------|----------|----------|---------|---------|-----------|----|
|          |                                                 |          | Đại học  | Thạc sĩ | Tiến sĩ | PGS       | GS |
| <b>1</b> | <b>Giảng viên toàn thời gian</b>                |          |          |         |         |           |    |
|          | Lĩnh vực Khoa học và Đào tạo giáo viên          | 67       | 14       | 53      |         |           |    |
| <b>2</b> | <b>Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động</b> |          |          |         |         |           |    |
|          | Lĩnh vực Khoa học và Đào tạo giáo viên          | 67       | 14       | 53      |         |           |    |

## 3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ<sup>8</sup>

| TT | Chỉ số                                                                                             | 2025  | 2024  |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------|
| 1  | Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ                                                        | 2     | 2     |
| 2  | Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ                                                             | 3     | 4     |
| 3  | Tỷ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian | 7,46% | 8,69% |

## III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

### 1. Các chỉ số đánh giá về cơ sở vật chất

| TT | Chỉ số đánh giá              | 2025    | 2024    |
|----|------------------------------|---------|---------|
| 1  | Diện tích đất/người học (m2) | 14,44m2 | 14,44m2 |

|   |                                              |         |         |
|---|----------------------------------------------|---------|---------|
| 2 | Diện tích sàn/người học (m2)                 | 3,6.m2  | 3,6.m2  |
| 3 | Tỷ lệ giảng viên có chỗ làm việc riêng biệt  | 10,2 m2 | 10,2 m2 |
| 4 | Số đầu sách/ngành đào tạo                    | 1420    | 1271    |
| 5 | Số bản sách/người học                        | 9871    | 9178    |
| 6 | Tỷ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến | 15%     | 15%     |

## 2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

| TT               | Địa điểm     | Địa chỉ                                    | Diện tích đất (m <sup>2</sup> ) | Diện tích sàn (m <sup>2</sup> ) |
|------------------|--------------|--------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| 1                | Trụ sở chính | Phường Dân Chủ, TP Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình | 37476,8                         | 11467                           |
| <b>Tổng cộng</b> |              |                                            | 37476,8                         | 11467                           |

## 3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

| TT | Hạng mục đầu tư                                           | Địa điểm             | Kinh phí (triệu đồng)   |
|----|-----------------------------------------------------------|----------------------|-------------------------|
| 1  | Xây mới tòa nhà: Cơ sở Giáo dục Mầm non thực hành Hoa Sen | Trường CĐSP Hòa Bình | Chưa thực hiện bàn giao |
| 2  | Nâng cấp tòa nhà: Sửa chữa: Nhà Đa năng, Ký túc xá        | Trường CĐSP Hòa Bình | Chưa thực hiện bàn giao |

## IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

### 1. Kiểm định cơ sở giáo dục

- Tên tổ chức kiểm định: Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc Gia Hà Nội

- Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Theo Bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành

- Mức độ đạt kiểm định: Đạt yêu cầu

- Thời gian hiệu lực: Từ ngày 01 tháng 8 năm 2025 đến 01 tháng 8 năm 2030

## 2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

| TT | Mã ngành | Tên ngành        | Tên chương trình                                              | Tên tổ chức kiểm định                                             | Thời gian hiệu lực |
|----|----------|------------------|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|--------------------|
| 1  | 51140201 | Giáo dục Mầm non | Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng | Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Đại học Quốc Gia Hà Nội | 25/8/2022          |

## V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

### 1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

| TT | Chỉ số đánh giá                                    | 2025   | 2024   |
|----|----------------------------------------------------|--------|--------|
| 1  | Tỷ lệ nhập học trung bình 3 năm                    | 86,5%  | 84,3%  |
| 2  | Tỷ lệ thôi học                                     | 2,98%  | 11,54% |
| 3  | Tỷ lệ thôi học năm đầu                             | 2,04%  | 1,34%  |
| 4  | Tỷ lệ tốt nghiệp                                   | 37,07% | 77,89% |
| 5  | Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn                          | 54,3%  | 100%   |
| 6  | Tỷ lệ người học hài lòng với giảng viên            | 97%    | 98%    |
| 7  | Tỷ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn | 78,26% | 96,03% |

### 2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

| TT | Số lượng người học | Đang học | Tuyển mới | Tốt nghiệp | Tỷ lệ việc làm |
|----|--------------------|----------|-----------|------------|----------------|
| I  | Cao đẳng           |          |           |            |                |



|     |                                        |     |    |     |        |
|-----|----------------------------------------|-----|----|-----|--------|
| 1   | Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên |     |    |     |        |
| 1.1 | Chính quy                              | 502 | 59 | 218 | 78,26% |
| 1.2 | Vừa làm vừa học                        | 28  | 87 | 0   | 0      |

## VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

### 1. Các đề tài nghiên cứu khoa học thực hiện trong năm

| TT | Đề tài nghiên cứu khoa học               | Số lượng | Kinh phí thực hiện trong năm |
|----|------------------------------------------|----------|------------------------------|
| 1  | Đề tài cấp Nhà nước                      | 0        | 0                            |
| 2  | Đề tài cấp bộ, tỉnh                      | 1        | 0                            |
| 3  | Đề tài/SKKN cấp cơ sở                    | 5        | 0                            |
| 4  | Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước) | 0        | 0                            |
| 5  | Đề tài hợp tác quốc tế                   | 0        | 0                            |
|    | <b>Tổng số</b>                           | <b>6</b> | <b>0</b>                     |

## VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

### 1. Kết quả thu chi hoạt động

*Tính trên đơn vị: Triệu đồng*

| TT        | Chỉ số thống kê                                       | 2025          | 2024          |
|-----------|-------------------------------------------------------|---------------|---------------|
| <b>A</b>  | <b>TỔNG THU HOẠT ĐỘNG</b>                             | 30.631,671024 | 21,225,14     |
| <b>I</b>  | <b>Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/nhà đầu tư</b> | 17.016,781    | 17,877,05     |
| <b>II</b> | <b>Thu giáo dục và đào tạo</b>                        | 13.614,890024 | 3,348,096,229 |
| 1         | Học phí, lệ phí từ người học                          | 627,010       | 175,230       |
| 2         | Hợp đồng, tài trợ từ NSNN                             | 7.644,760     |               |
| 3         | Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài                        |               |               |
| 4         | Thu khác                                              | 5.343,120024  | 3,172,866229  |

|            |                                      |               |               |
|------------|--------------------------------------|---------------|---------------|
| <b>III</b> | <b>Thu khoa học và công nghệ</b>     |               |               |
| 1          | Hợp đồng, tài trợ từ NSNN            |               |               |
| 2          | Hợp đồng, tài trợ từ bên ngoài       |               |               |
| 3          | Thu khác                             |               |               |
| <b>IV</b>  | <b>Thu khác (thu nhập ròng)</b>      |               |               |
| <b>B</b>   | <b>TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG</b>            | 21.916,821112 | 19,406,70     |
| <b>I</b>   | <b>Chi lương, thu nhập</b>           | 16.152,823425 | 15,427,76     |
| 1          | Chi lương, thu nhập của giảng viên   | 15.116,3271   | 15,000        |
| 2          | Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác  | 1.036,496325  | 427,76        |
| <b>II</b>  | <b>Chi cơ sở vật chất và dịch vụ</b> | 1.921,332 562 |               |
| 1          | Chi cho đào tạo                      |               |               |
| 2          | Chi cho nghiên cứu                   |               |               |
| 3          | Chi cho phát triển đội ngũ           |               |               |
| 4          | Chi phí chung và chi khác            | 1.921,332 562 | 1,510,69      |
| <b>III</b> | <b>Chi hỗ trợ người học</b>          |               |               |
| 1          | Chi học bổng và hỗ trợ học tập       |               | 865,7         |
| 2          | Chi hoạt động nghiên cứu             |               |               |
| 3          | Chi hoạt động khác                   |               |               |
| <b>IV</b>  | <b>Chi khác</b>                      | 3.842,665125  | 956,776       |
| <b>C</b>   | <b>CHÊNH LỆCH THU CHI</b>            | 8.714,849912  | 1,818,449,076 |

## **VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC**

### **1. Công tác tuyển sinh**

Năm học 2025-2026, căn cứ chỉ tiêu được UBND tỉnh giao, nhà trường đã tuyển sinh đủ 60/60 chỉ tiêu Cao đẳng GDMN chính quy (Quyết định số 434/QĐ-HĐTS ngày 08/11/2025 Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh về công nhận thí sinh trúng tuyển trình độ Cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hệ chính quy năm 2025).

Hệ Cao đẳng GDMN vừa làm vừa học tuyển sinh được 136 thí sinh (Quyết định số 287/QĐ-HĐTS ngày 03/10/2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh về công nhận thí sinh trúng tuyển trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hệ vừa làm vừa học năm 2025 với 88 thí sinh trúng tuyển; Quyết định số 472/QĐ-HĐTS ngày 15/11/2025 của Chủ tịch Hội đồng tuyển sinh về công nhận thí sinh trúng tuyển

trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non hệ vừa làm vừa học đợt 2 năm 2025 với 48 thí sinh trúng tuyển).

Trường PTTH CLC Nguyễn Tất Thành tuyển sinh được 52 học sinh, trong đó lớp 1: 22 học sinh; lớp 6: 30 học sinh; Cơ sở GDMN Hoa Sen, tuyển sinh được 35 trẻ; Hệ Liên kết đào tạo Đại học tuyển sinh được 65 học viên.

## **2. Công tác đào tạo, khảo thí và đảm bảo chất lượng**

### *2.1 Công tác đào tạo, khảo thí*

Hoàn thành kế hoạch đào tạo. Tổ chức thi học phần, học kỳ, đánh giá, xếp loại kết quả học tập và rèn luyện từng học kỳ và cả năm học cho học sinh, sinh viên các khoá, các hệ đào tạo theo đúng quy định hiện hành. Học sinh, sinh viên xếp loại học tập và rèn luyện trong các năm học đạt từ Khá trở lên chiếm tỷ lệ cao. Cụ thể:

+ CDGDMN K31 (2022-2025): 113 SV (XS: 15, chiếm 13,3%; giỏi: 69, chiếm 61,1%; khá: 29, chiếm 25,7%);

+ CDGDMN K32 (khoá 2023-2026): 257 SV (XS: 18, chiếm 7,0%; giỏi: 113, chiếm 44,0%; khá: 116, chiếm 45,1%; trung bình 03, chiếm 1,2%; yếu: 02, chiếm 0,8%; không xếp loại do sinh viên không đủ điều kiện thi: 05, chiếm 1,9%);

+ CDGDMN K33 (2024-2027): 355 SV (XS: 03, chiếm 0,8%; giỏi: 57, chiếm 16,1%; khá: 244, chiếm 68,7%; TB 45, chiếm 12,7%; yếu 06, chiếm 1,7%).

+ TCGDNN K1 (2023-2025): 36 HS (XS: 11, chiếm 17,5%; giỏi: 17, chiếm 27%; khá: 15 chiếm 23,8%, TB 10, chiếm 15,9%; không xếp loại do không đủ điều kiện thi học phần: 10, chiếm 15,8%.)

+ TCGDNN K2 (2024-2026): 18 HS (giỏi: 01, chiếm 5,6%; khá: 03, chiếm 16,7%; TB 05, chiếm 27,8%; yếu 01, chiếm 5,67%; không xếp loại do không đủ điều kiện thi học phần: 08, chiếm 44,3%)

### *2.2. Đối với công tác đảm bảo chất lượng*

- Công tác đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục chu kỳ 2 của Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình: Được Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục với tỷ lệ đạt yêu cầu 89,09%

## **3. Công tác nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế**

- Ban hành Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và Hợp tác quốc tế năm học 2025-2026; Kế hoạch tổ chức Hội thảo khoa học “Ứng dụng chuyển đổi số trong các hoạt động chuyên môn của Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình”; Kế hoạch số 605/KH-CĐSP ngày 19/12/2025 của Trường Cao đẳng Sư

phạm Hoà Bình, Kế hoạch triển khai tự đánh giá mức độ chuyển đổi số năm học 2025-2026 của Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình.

- Tham gia Hội nghị khoa học quốc gia về nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các trường đại học trực thuộc tỉnh, thành phố trong bối cảnh hội nhập; phối hợp tổ chức tập huấn chuyển đổi số cho cán bộ quản lý, giáo viên các cơ sở giáo dục phổ thông.

- Tổ chức tập huấn về ứng dụng công nghệ AI trong công tác quản lý và giảng dạy.

- Tiếp tục phối hợp với Đại học Bách Khoa Hà Nội và Đại học Coventry-Vương quốc Anh thực hiện 01 dự án Hợp tác quốc tế về phát triển năng lực sử dụng trí tuệ nhân tạo tạo sinh trong dạy và học thông qua trò chơi cho giáo viên Việt Nam.

#### **4. Công tác liên kết đào tạo**

- + Tiếp tục triển khai kế hoạch đào tạo cho học viên các lớp ĐH Giáo dục Mầm non, ĐH Giáo dục Tiểu học; ĐHSP Tiếng Anh... hiện có.

- + Phối hợp triển khai tuyển sinh liên kết đào tạo với Trường ĐH Hùng Vương, Đại học Thái Nguyên và Trung tâm Khảo thí và Quản lý chất lượng giáo dục – Đại học Thái Nguyên (Các ngành Ngôn ngữ Anh, Ngôn ngữ Trung Quốc, Luật).

Phối hợp tuyển sinh liên kết đào tạo với trường Đại học Hùng Vương năm 2025 gồm các ngành: Đại học Giáo dục Tiểu học: 37 học viên; Đại học Giáo dục Mầm non: 28 học viên.

- + Phối hợp với các cơ sở giáo dục đủ điều kiện để tổ chức thực hiện quy trình liên kết đào tạo Cao đẳng GDMN hệ VLVH.

#### **5. Công tác bồi dưỡng**

##### **5.1. Bồi dưỡng thường xuyên**

Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình đã xây dựng Kế hoạch số 08/KH-CĐSP ngày 16/01/2026 triển khai thực hiện BDTX cán bộ quản lý, giáo viên cơ sở giáo dục mầm non năm học 2025-2026; ban hành các quyết định về thành lập Ban chỉ đạo và các ban triển khai thực hiện nhiệm vụ BDTX; thành lập Tổ báo cáo viên BDTX; xây dựng kế hoạch tổ chức hội nghị báo cáo viên BDTX năm học 2025-2026.

Để chuẩn bị tài liệu cho triển khai kế hoạch BDTX, nhà trường đã ban hành Thông báo số 01/TB-CĐSP ngày 07/01/2026 về việc biên soạn tài liệu bồi dưỡng thường xuyên chương trình bồi dưỡng 03 cho cán bộ quản lý, giáo viên cơ sở giáo dục mầm non năm học 2025 - 2026; Hướng dẫn số 02/HD-CĐSP ngày 10/01/2026

xây dựng tài liệu tài liệu bồi dưỡng thường xuyên chương trình bồi dưỡng 03 cho cán bộ quản lý, giáo viên cơ sở giáo dục mầm non năm học 2025 - 2026.

### **5.2. Bồi dưỡng tiếng dân tộc Mường**

- Thực hiện bồi dưỡng và cấp chứng chỉ tiếng dân tộc Mường cho cán bộ, chiến sĩ thuộc các cơ quan, đơn vị Công an tỉnh Thanh Hoá khóa 2, năm 2025 với 50 học viên; lớp cho cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Phú Thọ, lớp số 02, năm 2025 với 60 học viên; lớp cho cán bộ, chiến sĩ thuộc các cơ quan, đơn vị Công an tỉnh Phú Thọ khóa 2, năm 2025 với 44 học viên; lớp cho cán bộ, công chức, viên chức, sỹ quan, chiến sỹ đang công tác ở vùng đồng bào dân tộc và miền núi khoá XIX, năm 2025 tại Trung tâm GDNN- GDTX Lạc Sơn.

- Hoàn thành kế hoạch tổ chức dạy thí điểm Tài liệu tiếng Mường lớp 1 tại 4 trường: TH&THCS Kim Bình, xã Kim Bôi; trường TH&THCS Định Cư, xã Quyết Thắng; trường TH&THCS Phú Vinh, xã Mường Hoa, trường PT DTBT TH&THCS Thung Nai, xã Thung Nai; tổ chức triển khai Hội thảo thí điểm đánh giá tài liệu tiếng Mường lớp 2 (tài liệu dạy thực nghiệm) từ ngày 22/12/2025 đến ngày 25/12/2025 tại Trường TH&THCS Kim Bình, xã Kim Bôi, tỉnh Phú Thọ.

### **6. Công tác học sinh sinh viên**

Chế độ chính sách đối với HSSV được cấp đủ, kịp thời, đảm bảo quyền lợi cho người học theo quy định. Nhà trường đã ban hành Quyết định số 661/QĐ-CĐSP ngày 31/12/2025 của Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình về việc hưởng chính sách hỗ trợ tiền đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên học ngành đào tạo giáo viên theo Nghị định số 116/2020/NĐ-CP và Nghị định số 60/2025/NĐ-CP của Chính phủ học kỳ I - năm học 2025 - 2026 cho sinh viên cao đẳng chính quy ngành GDMN K34 (khóa 2025-2028) cho 59 sinh viên. Mức hưởng tháng 11 và tháng 12 năm 2025: 3.630.000đ/SV/tháng.

- *Tổ chức hoạt động ngoại khoá cho HSSV*

+ Đối với sinh viên khối Cao đẳng chính quy, nhà trường chú trọng tổ chức các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể thao theo các chủ đề: Tổ chức Hội diễn văn nghệ, giải thể thao Chào mừng Khai giảng năm học 2025-2026; kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11/2025 ngày quân đội nhân dân Việt Nam 22/12/2025.

+ Đối với học sinh tại Cơ sở GDMN Thực hành Hoa Sen và trường PTTH CLC Nguyễn Tất Thành: nhà trường tổ chức các hoạt động trải nghiệm tạo môi trường thân thiện, lành mạnh trong trường học để các em yêu trường, yêu lớp hơn; tổ chức các hoạt động vui chơi, hoạt động trải nghiệm: chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; ngày giảng sinh; ngày quân đội nhân dân Việt Nam 22/12/2025.

### **7. Công tác kiểm tra, tổ chức cán bộ**

**7.1. Công tác kiểm tra:** Thực hiện công tác kiểm tra nội bộ gồm hồ sơ chuyên môn, hồ sơ tuyển sinh...

**7.2. Công tác tổ chức cán bộ**

- Hoàn thiện hồ sơ và các thủ tục đề nghị tinh giản biên chế đợt 1 & đợt 2 năm 2025 đối với các đồng chí đã đăng ký; xây dựng kế hoạch tinh giản biên chế giai đoạn 2026-2031.

+ Ban hành Quyết định số 267/QĐ-CĐSP ngày 30/09/2025 của Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Sư phạm Hoà Bình.

+ Nhà trường đã tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ trọng tâm năm học 2025-2026 theo thông báo số 175/TB-CĐSP ngày 9 tháng 9 năm 2025.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện Quy chế công khai theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/6/2024 của Trường Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình báo cáo Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Phú Thọ./.

**Nơi nhận:**

- Sở GD&ĐT;
- Hiệu trưởng; các Phó Hiệu trưởng;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Website trường;
- Lưu: VT,TC-TTr.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Lệ Hường**